

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang
bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5047/TTr-STNMT ngày 09/12/2021 (kèm Báo cáo thẩm định số 494/BC-STP ngày 16/11/2021 của Sở Tư pháp).

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2022.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên,

Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn ven biển và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NL₂. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND 05/01/2022 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bảo vệ, khai thác, sử dụng, mối quan hệ phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm:

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 2. Một số nguyên tắc chung

1. Nguyên tắc áp dụng mốc thời điểm thiết lập, hình thành hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa đối với công tác quản lý, quyền sử dụng, quyền khai thác, quyền sở hữu và các quyền về xây dựng hạ tầng, tài nguyên môi trường liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển theo các trường hợp sau:

a) Thời điểm các bên liên quan ký biên bản bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa là mốc thời gian để làm cơ sở xác định các đối tượng liên quan hành lang bảo vệ bờ biển hình thành trước hoặc hình thành sau hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa. Chủ sở hữu các đối tượng nằm trong diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ bờ biển và có trước thời điểm thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

b) Thời điểm quyết định về việc phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh có hiệu lực là mốc thời gian để các cơ quan quản lý nhà nước các cấp sử dụng Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển vào công tác quản lý nhà nước.

2. Nguyên tắc lồng ghép các quy hoạch, thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án liên quan hành lang bảo vệ bờ biển

Khi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải thống nhất với bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển để khi triển khai không vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh là tập hợp các dải đất ven biển được UBND tỉnh tổ chức thiết lập, công bố và cắm mốc.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh được thiết lập tại Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh và sau khi cắm mốc được thể hiện chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện và chung cho toàn tỉnh.

3. Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh sau khi cắm mốc thể hiện trên bản đồ hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° được thành lập chi tiết theo cấp xã, cấp huyện và chung cho toàn tỉnh.

b) Điểm giao nhau giữa ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển với địa giới hành chính các cấp được xác định ở thực địa và thể hiện lên bản đồ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

c) Các yếu tố địa vật mà ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển chồng lấn phải được thể hiện (đo vẽ, chụp ảnh,...), thống kê, tổng hợp đầy đủ bao gồm: công trình, đất đai, các yếu tố hành lang và địa vật liên quan; mức độ thể hiện các yếu tố địa vật trình bày rõ trong đề cương nhiệm vụ chuyên môn.

4. Cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Hệ thống mốc tọa độ, độ cao được xây dựng bổ sung theo quy định đo đạc bản đồ để phục vụ thiết lập, quản lý, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa.

b) Cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Trường hợp ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển có thay đổi hoặc mốc hiện trạng bị hư hại thì phải tổ chức cắm lại mốc ở thực địa. Điểm giao nhau giữa ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển với địa giới hành chính các cấp phải cắm mốc. Trường hợp mốc thiết kế tại vị trí xung yếu, có nguy cơ mất ổn định và không thực hiện được như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT thì thay đổi kết cấu

mốc và phải thuyết minh cụ thể trong đề cương nhiệm vụ chuyên môn cấm mốc, điều chỉnh mốc.

Mốc giới và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được lập biên bản bàn giao tại thực địa cho UBND cấp xã để phục vụ bảo vệ, quản lý.

Điều 4. Thành phần, nơi lưu giữ, bảo quản và khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Các quyết định phê duyệt của UBND tỉnh: Quyết định về việc công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định về việc phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hà Tĩnh.

b) Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển bao gồm: Bản đồ chung cho toàn tỉnh; bộ bản đồ cấp huyện thể hiện theo đơn vị hành chính cấp huyện; bộ bản đồ cấp xã thể hiện theo đơn vị hành chính cấp xã.

c) Bản mô tả ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và các hồ sơ liên quan.

d) Các hồ sơ chuyên môn kỹ thuật, bản đồ, số liệu thống kê và báo cáo kèm theo thuộc các nhiệm vụ: xây dựng đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm; danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Nơi lưu giữ, bảo quản hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển

a) Hồ sơ gốc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Hồ sơ bàn giao cho cấp huyện phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển bao gồm: bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo đơn vị hành chính cấp huyện (dạng giấy và dạng số); bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo đơn vị hành chính cấp xã (dạng số); số liệu thống kê, hồ sơ hiện trạng công trình, hiện trạng đất đai liên quan hành lang bảo vệ bờ biển (dạng giấy bản sao và dạng số); bản mô tả ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (dạng giấy bản sao); biên bản bàn giao mốc giới (dạng giấy bản sao) và biên bản bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển.

c) Hồ sơ bàn giao cho cấp xã phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển bao gồm: bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo đơn vị hành chính cấp xã (dạng giấy và dạng số); số liệu thống kê, hồ sơ hiện trạng công trình, hiện trạng đất đai liên quan hành lang bảo vệ bờ biển (dạng giấy bản sao và dạng số); hệ thống mốc tọa độ, độ cao và hồ sơ liên quan theo quy định về đo đạc bản đồ; bản mô tả ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (dạng giấy bản sao); biên bản bàn giao mốc giới và biên bản bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Cung cấp, khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

Việc cung cấp, khai thác thông tin dữ liệu từ hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Điều chỉnh, hiệu chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển

1. Việc điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Việc hiệu chỉnh bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (gọi tắt là hiệu chỉnh) được tiếp tục thực hiện trong quá trình cắm mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật và đảm bảo độ chính xác phù hợp với tỷ lệ bản đồ cấp xã.

Điều 6. Độ chính xác của ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Độ chính xác khi thiết lập, điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được lấy bằng độ chính xác của bản đồ kèm theo Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thiết lập, điều chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Độ chính xác của ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa bằng độ chính xác của bản đồ cấp xã được lập sau khi cắm mốc hoặc điều chỉnh vị trí mốc.

Điều 7. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế

1. Hoạt động bị nghiêm cấm

a) Các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo;

b) Các hoạt động xâm hại, làm hư hỏng hệ thống mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển và mốc tọa độ, độ cao chuyên dụng; trường hợp hệ thống các mốc này bị xâm hại thì phải xử lý, bồi thường theo quy định pháp luật.

2. Các hoạt động bị hạn chế: trong hành lang bảo vệ bờ biển hạn chế các hoạt động theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Điều 8. Các hoạt động tạm thời sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển

1. Trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước cần trưng dụng đất thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thì thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với đề xuất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xin tạm thời sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển không thuộc trường hợp quy định tại Điều 7 Quy định này và khoản 1 Điều này nhưng không phải giao đất, cho thuê đất mà có cam kết đảm bảo điều kiện để thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thực hiện như nội dung xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

3. Sau khi kết thúc các hoạt động tạm thời sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển, thực hiện hoàn trả lại hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Cơ chế phối hợp trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển

1. Phối hợp trong công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch liên quan hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và UBND cấp huyện có biện pháp tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

b) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt. Sau khi hoàn thành gửi bản đồ số quy hoạch, bản đồ số hiện trạng về Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ quản lý tổng hợp.

2. Phối hợp trong cấm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; cơ quan Nhà nước quản lý các đối tượng chuyên ngành nằm trên phần diện tích thuộc hành lang bảo vệ bờ biển và UBND cấp huyện, UBND cấp xã có biên phải tham gia các nội dung liên quan trong cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Khi các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại điểm a khoản này yêu cầu phối hợp trong việc bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển và xử lý các nội dung liên quan hành lang bảo vệ bờ biển, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, xử lý thông tin, tổ chức giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển

Việc khai thác, sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đảm bảo không có các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này và quy định pháp luật liên quan.

Điều 11. Tài chính phục vụ thiết lập, điều chỉnh, cấm mốc, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

Huy động và sử dụng các nguồn vốn bao gồm ngân sách nhà nước, xã hội hóa, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển và các nguồn vốn hợp pháp khác phục vụ công tác thiết lập, điều chỉnh, cấm mốc, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo và quy định này.

b) Tổ chức cắm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định pháp luật. Xây dựng phương án bồi thường, khôi phục mốc trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy định này. Hàng năm hoặc đột xuất tiến hành rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng.

c) Lưu giữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

d) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

đ) Thanh tra, kiểm tra

Thanh tra chuyên ngành các vi phạm trong quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển. Chủ trì lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra tổng hợp các lĩnh vực liên quan hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các cấp phối hợp trong quản lý tổng hợp liên quan hành lang bảo vệ bờ biển và triển khai các dự án đầu tư.

e) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trước khi tham mưu các nhiệm vụ theo thẩm quyền về quy hoạch và các dự án đầu tư có liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển phải làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường soát xét các nội dung liên quan đảm bảo tránh mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Sở Xây dựng

Tham mưu theo thẩm quyền và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo lợi ích cộng đồng dân cư và doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn; đảm bảo công tác quy hoạch xây dựng không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Sở Nội vụ

Thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền về địa giới hành chính đảm bảo việc quản lý bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển được thuận lợi.

5. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ liên quan quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; công tác lập quy hoạch và các nhiệm vụ chuyên ngành có liên quan hành lang bảo vệ bờ biển đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn và Đài Phát thanh truyền hình tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển. Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

8. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh khi thực hiện nhiệm vụ liên quan hành lang bảo vệ bờ biển phải phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các cấp.

9. Các sở: Công Thương, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh và các tổ chức có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về biển, hải đảo trong việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; trước khi bắt đầu triển khai các nhiệm vụ chuyên ngành có liên quan hành lang bảo vệ bờ biển phải thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo tránh mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột trong quản lý bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã ven biển

1. Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.
2. Xử lý theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển về Sở Tài nguyên và Môi trường.
3. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 18 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn ven biển


1. Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và bảo vệ hệ thống mốc tọa độ, độ cao chuyên dụng phục vụ thiết lập, điều chỉnh quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.
2. Xử lý theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tại địa phương mình về UBND cấp huyện.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển về UBND cấp huyện trước ngày 16 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 15. Quy định chuyên tiếp

Trong thời gian chưa có mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển ở thực địa, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2295/QĐ-UBND để quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kịp thời phản ánh qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn